

Khai thác chung dầu khí ở một số nước  
trên thế giới và thực tiễn Việt Nam :  
Luận văn ThS. Luật: 60 38 60 /  
Nguyễn Thị Thanh Thúy ; Nghd. :  
PGS.TS. Nguyễn Bá Diên

MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan	1
Mục lục	2
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt	3
<b>MỞ ĐẦU</b>	6
<b>Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KHAI THÁC CHUNG DẦU KHÍ</b>	11
<b>1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của vấn đề khai thác chung</b>	11
<i>1.1.1. Lịch sử phát triển của Luật biển quốc tế</i>	11
<i>1.1.2. Lịch sử khai thác chung trong Luật biển quốc tế</i>	14
<b>1.2. Khái niệm về khai thác chung dầu khí.</b>	17
<i>1.2.1. Quan niệm về khai thác chung</i>	17
<i>1.2.2. Định nghĩa và đặc điểm của khai thác chung dầu khí</i>	23

<b>1.3. Nội dung của thoả thuận khai thác chung dầu khí</b>	25
<b>1.4. Vai trò của khai thác chung dầu khí</b>	30
<b>1.5. Cơ sở pháp lý của hoạt động khai thác chung dầu khí</b>	32
<i>1.5.1. Nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế</i>	32
<i>1.5.2. Điều ước quốc tế</i>	36
<i>1.5.3. Các phán quyết của Tòa án quốc tế và khuyến nghị của Ủy ban hoà giải</i>	38
Kết luận chương 1	40
<b>Chương 2. MÔ HÌNH KHAI THÁC CHUNG VỀ DẦU KHÍ ĐIỂN HÌNH Ở MỘT SỐ NƯỚC</b>	42
<b>2.1. Các quốc gia với vấn đề khai thác dầu khí</b>	42
<i>2.1.1. Quyền lợi khai thác dầu khí mang lại cho quốc gia</i>	42
<i>2.1.2. Các quan điểm về mô hình khai thác dầu khí</i>	43
<b>2.2. Các mô hình khai thác dầu khí điển hình</b>	46
<i>2.2.1. Khai thác chung nơi đường biên giới chưa xác định</i>	46
<i>2.2.1.1. Bản ghi nhớ Malaysia - Thái Lan</i>	46
<i>2.2.1.2. Thoả thuận Nhật Bản - Hàn Quốc ngày 30/1/1974</i>	50
<i>2.2.1.3. Hiệp định Australia - Indônêxia</i>	53
<i>2.2.2 Khai thác chung nơi đường biên giới đã xác định</i>	57
<i>2.2.2.1. Thoả thuận Bahrain - Ả rập Xê út</i>	57
<i>2.2.2.2. Hợp nhất hoá mỏ khí Frigg Anh - Na Uy</i>	58
<b>2.3. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam</b>	60
Kết luận chương 2	62
<b>Chương 3. KHAI THÁC CHUNG DẦU KHÍ GIỮA VIỆT NAM VỚI NƯỚC NGOÀI. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI</b>	64

## PHÁP

<b>3.1. Biển Đông và vấn đề chủ quyền của Việt Nam</b>	64
<i>3.1.1. Vị trí chiến lược của Biển Đông</i>	64
<i>3.1.2. Vấn đề chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông</i>	67
<b>3.2. Phát triển kinh tế biển và tiềm năng về dầu khí của Việt Nam</b>	70
<b>3.3. Thoả thuận ghi nhớ về khai thác chung dầu khí giữa Việt Nam và Malaixya năm 1992</b>	72
<i>3.3.1. Lịch sử hình thành thoả thuận</i>	72
<i>3.3.2. Nội dung thoả thuận khai thác chung dầu khí Việt Nam - Malaixya</i>	76
<i>3.3.2.1. Nội dung Thoả thuận khai thác chung ngày 5/6/1992</i>	76
<i>3.3.2.2. Nội dung Thoả thuận thương mại ngày 25/8/1993</i>	76
<i>3.3.3. Thực trạng thực thi thoả thuận khai thác chung Việt Nam-Malaixya</i>	82
Đánh giá chung	85
<b>Chương 4. TRIỂN VỌNG KHAI THÁC CHUNG GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC</b>	90
<b>4.1. Triển vọng khai thác chung ở khu vực biển đông</b>	90
<i>4.1.1. Khai thác chung ở khu vực Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc</i>	91
<i>4.1.2. Triển vọng khai thác chung trong Vịnh Thái Lan</i>	94
<i>4.1.3. Khai thác chung ở quần đảo Trường Sa</i>	98
<b>4.2. Chính sách pháp luật biển của nhà nước liên quan đến vấn đề khai thác chung</b>	101
<b>4.3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật tạo ra khung pháp lý</b>	104

**cơ bản cho việc đàm phán, ký kết các thoả thuận khai thác chung  
của Việt Nam**

<b><i>4.3.1. Hoàn thiện chính sách pháp luật biển</i></b>	104
<b><i>4.3.2. Kiến nghị mô hình khai thác chung dầu khí</i></b>	108
Kết luận chương 4	113
<b>KẾT LUẬN:</b>	114
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	116
<b>PHỤ LỤC</b>	120

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài:

Việt Nam là một nước nằm bên bờ Biển Đông, một trong sáu biển lớn nhất thế giới và có 11 quốc gia ven biển. Theo quy định của Công ước 1982, khi mở rộng phạm vi chủ quyền và quyền tài phán của mình ra tới giới hạn 200 hải lý, vùng biển Việt Nam xuất hiện nhiều vùng chồng lấn với các quốc gia có bờ biển liền kề và đối diện gây ra những tranh chấp phức tạp. Trên thực tế việc giải quyết mâu thuẫn giữa các nước phải trải qua một thời gian dài, trong khi vùng biển tranh chấp lại có một lợi ích vô cùng to lớn để phát triển kinh tế đất nước. Vì vậy, việc khai thác chung được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm.

Khai thác chung dầu khí đóng một vai trò quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Ngành công nghiệp dầu khí là một ngành chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khủng hoảng năng lượng đang diễn ra trên toàn cầu, dầu khí là một nguồn năng lượng không thể thiếu đối với sự phát triển kinh tế đất nước. Trong khi đó tiềm năng về dầu khí trên các vùng biển Việt Nam rất dồi dào và chưa được khai thác đúng mức. Nhận thức được tầm quan trọng của khai thác dầu khí đối với sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước, tôi mạnh dạn chọn đề tài "***Khai thác chung dầu khí ở một số nước trên thế giới và thực tiễn Việt Nam***" làm đề tài cho luận văn nghiên cứu của mình.

### 2. Mục đích nghiên cứu:

Khoá luận xem xét toàn diện cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề khai thác chung trong luật biển quốc tế và các mô hình khai thác dầu khí điển hình trên thế giới để từ đó đưa ra được cách nhìn tổng quan về khai thác chung dầu khí, góp phần bổ sung, làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở

thực tiễn và vai trò của khai thác chung. Bên cạnh đó, tác giả còn tập trung nghiên cứu Hiệp định khai thác chung dầu khí giữa Việt Nam - Malayxia và thực trạng triển khai hiệp định đó trong thực tế như thế nào. Ngoài ra, khoá luận còn dự báo về triển vọng khai thác dầu khí của Việt Nam và các quốc gia láng giềng. Từ đó mạnh dạn đưa ra đề xuất mô hình khai thác chung giữa Việt Nam và các nước trong khu vực phù hợp với lợi ích và bảo vệ được chủ quyền của Việt Nam.

### **3. Phương pháp nghiên cứu:**

Luận văn sử dụng các phương pháp: lịch sử, duy vật biện chứng, phân tích, đánh giá, dự báo triển vọng, đề xuất hướng thực hiện.

### **4. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, Luận văn gồm bốn chương:

Chương 1. Tổng quan về khai thác chung dầu khí

Chương 2. Mô hình khai thác chung về dầu khí ở một số nước

Chương 3. Khai thác chung dầu khí giữa Việt Nam với nước ngoài. Thực trạng và giải pháp.

Chương 4. Triển vọng khai thác chung giữa Việt Nam và các nước

## **Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KHAI THÁC CHUNG DẦU KHÍ**

### **1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của vấn đề khai thác chung**

*1.1.1. Lịch sử phát triển của Luật biển quốc tế*

*1.1.2. Lịch sử khai thác chung trong Luật biển quốc tế*

Ý tưởng về khai thác chung đã xuất hiện ngay từ những năm 30 của thế kỷ XX trong các công trình nghiên cứu và các án lệ về khai thác dầu mỏ ở Mỹ. Tiếp đến thoả thuận Bahrian - Ả-rập Xêút ngày

22/2/1958, thoả thuận Cô oét - Ả-rập Xêút ngày 07/7/1965 cũng đã đề cập đến việc khai thác chung.

Vào tháng 1/1974, thoả thuận khai thác chung Nhật Bản - Hàn Quốc tạo ra bước ngoặt bằng việc áp dụng ý tưởng khai thác chung dầu khí ngoài khơi tại nơi đường biên giới chưa được phân định .

Ngày 29/10/1974, thoả thuận Pháp - Tây Ban Nha cũng được ký kết với nội dung thiết lập một khu vực khai thác chung nằm ngang qua đường biên giới đã được xác định.

Ngày 21-02-1979 Malaysia và Thái Lan ký thoả thuận ghi nhớ về việc thành lập Cơ quan quyền lực chung (Joint Authority) chịu trách nhiệm điều hành hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên không sinh vật đáy biển và lòng đất dưới đáy biển tại khu vực vùng chồng lấn thêm lục địa theo yêu sách của hai quốc gia.

## **1.2. Khái niệm về khai thác chung dầu khí**

### ***1.2.1. Quan niệm về khai thác chung***

Vấn đề khai thác chung được các chuyên gia hàng đầu trên thế giới trong lĩnh vực luật biển cũng như các trung tâm nghiên cứu nổi tiếng trên thế giới đặc biệt quan tâm nghiên cứu. Mỗi học giả nhìn nhận khai thác chung ở mỗi khía cạnh khác nhau vì vậy vẫn chưa đưa ra một định nghĩa thống nhất về khai thác chung.

Qua việc nghiên cứu các quan điểm về khai thác chung, chúng ta có thể định nghĩa khai thác chung như sau: *“Khai thác chung là một thoả thuận quốc tế do hai hay nhiều quốc gia xác lập nhằm thiết lập cơ chế nhất định để cùng hợp tác thăm dò, khai thác, bảo tồn và phát triển tài nguyên thiên nhiên tại một vùng biển xác định trên cơ sở bình đẳng,*

*tôn trọng chủ quyền của quốc gia đối với vùng biển đó và cùng chia sẻ lợi nhuận một cách công bằng phù hợp với pháp luật quốc tế”.*

### **1. 2. 2. Định nghĩa và đặc điểm của khai thác chung dầu khí**

#### **a. Định nghĩa**

Khai thác chung dầu khí là một dạng của khai thác chung, trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm về khai thác chung, có thể hiểu “*khai thác chung dầu khí là sự thoả thuận của hai hay nhiều quốc gia đối với một vùng biển xác định nhằm thiết lập cơ chế quản lý để thực hiện hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí và các hoạt động khác liên quan trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng chủ quyền của quốc gia đối với vùng biển đó và cùng chia sẻ lợi nhuận một cách công bằng phù hợp với pháp luật quốc tế”.*

#### **b. Đặc điểm**

- Khai thác chung dầu khí là một thoả thuận quốc tế được xác lập giữa các quốc gia, hoặc giữa các công ty được Nhà nước cho phép hay uỷ quyền ký kết với danh nghĩa Nhà nước, về việc cùng hợp tác khai thác các nguồn tài nguyên biển.

- Khai thác chung dầu khí là một thoả thuận mang tính tạm thời.

- Khai thác chung dầu khí được thực hiện trên cơ sở tự nguyện.

- Thoả thuận khai thác chung dầu khí thường được áp dụng tại khu vực chồng lấn mà đường biên giới chưa được phân định hoặc ở khu vực có mỏ dầu nằm vắt ngang qua đường biên giới .

- Khai thác chung dầu khí là một thoả thuận để thiết lập một cơ chế hợp tác cùng tiến hành và quản lý hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên biển.

### **1. 3. Nội dung của thoả thuận khai thác chung dầu khí**

- Xác định thiết lập khu vực khai thác chung.
- Thiết lập cơ chế hợp tác.
- Phân chia phí tổn khai thác và thu nhập.
- Xác định thẩm quyền tài phán.
- Nguyên tắc và thủ tục giải quyết tranh chấp.
- Hiệu lực của thoả thuận khai thác chung.
- Bảo vệ môi trường.

#### **1. 4. Vai trò của khai thác chung dầu khí**

Khai thác chung là một trong những biện pháp hữu hiệu phù hợp với những nguyên tắc, quy định của Luật pháp quốc tế. Nó vừa là giải pháp dung hoà lợi ích của các bên nhằm khuyến khích đầu tư cùng nhau phát triển và khai thác tài nguyên biển vừa có vai trò quan trọng trong quá trình giải quyết phân định biển nói riêng cũng như duy trì hoà bình, ổn định an ninh quốc tế.

#### **1. 5. Cơ sở pháp lý của hoạt động khai thác chung dầu khí**

*1. 5. 1. Nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế là những tư tưởng, quan điểm chính trị - pháp lý cơ bản chỉ đạo, làm cơ sở xây dựng và thi hành luật quốc tế hiện đại*

*1. 5. 2. Điều ước quốc tế*

*1. 5. 3. Các phán quyết của Toà án quốc tế và khuyến nghị của Uỷ ban hoà giải:*

### **Chương 2: MÔ HÌNH KHAI THÁC CHUNG VỀ DẦU KHÍ**

#### **ĐIỂN HÌNH Ở MỘT SỐ NƯỚC**

#### **2.1. Các quốc gia với vấn đề khai thác dầu khí**

*2.1.1. Quyền lợi khai thác dầu khí mang lại cho quốc gia*

- Dầu khí là một ngành công nghiệp đem lại nguồn thu nhập lớn cho nền kinh tế quốc dân. Từ đó tạo điều kiện để phát triển kinh tế đất nước. Việt Nam là quốc gia có tiềm năng lớn về dầu khí. Việc khai thác tốt nguồn tài nguyên dầu khí là cơ hội để Việt Nam thu được những nguồn tài chính đáng kể phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước, đưa đất nước sánh ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới

- Khai thác chung nói chung và khai thác chung về dầu khí nói riêng góp phần khẳng định quyền chủ quyền của một quốc gia đối với một vùng biển nhất định (vùng biển đã phân định và vùng biển chưa phân định).

### ***2.1.2. Các quan điểm về mô hình khai thác dầu khí***

- Mô hình quản lý siêu quốc gia: Là mô hình mà việc quản lý khu vực tranh chấp tiến hành khai thác chung được giao cho một cơ cấu siêu quốc gia, hai quốc gia ký hiệp định sẽ có lợi ích kinh tế nhờ thu thuế.

- Mô hình chính phủ hai nước cùng quản lý: Là mô hình chính phủ hai nước trực tiếp chỉ đạo công tác thăm dò và khai thác khu vực chung thông qua Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban liên hợp.

- Mô hình đại diện quản lý: một bên thay mặt bên kia thực hiện quản lý toàn diện hoạt động khai thác tại một khu vực trong vùng tranh chấp.

- Mô hình chung vốn kinh doanh: Chính phủ hai nước ký hiệp định uỷ quyền cho một bên được chỉ định tiến hành khai thác trong vùng khai thác chung. Hai quốc gia đều có sự đóng góp kinh tế ngang bằng nhau trong quá trình thăm dò, khai thác.

- Mô hình doanh nghiệp nhà nước trực tiếp quản lý: Chính phủ hai nước uỷ quyền cho công ty dầu khí quốc doanh của mỗi nước cùng thăm dò khai thác tài nguyên dầu ở vùng biển xác định.

## **2.2. Các mô hình khai thác dầu khí điển hình**

### **2.2.1. Khai thác chung nơi đường biên giới chưa xác định**

#### **2.2.1.1. Bản ghi nhớ Malayxia - Thái Lan**

Ngày 21/12/1979, Malayxia và Thái Lan ký bản ghi nhớ về việc khai thác chung và bản ghi nhớ được hai quốc gia phê chuẩn vào ngày 30/5/1990. Bản ghi nhớ xác định phạm vi, diện tích của vùng khai thác chung rộng 7.300 hải lý vuông được giới hạn bởi 7 điểm đánh số từ A đến G.

Hai bên đã thống nhất thành lập một cơ quan quyền lực chung (Joint Authority) thay mặt hai quốc gia tiến hành quản lý và điều hành vùng biển tranh chấp tiến hành khai thác chung.

Hiệu lực của bản ghi nhớ là 50 năm kể từ ngày bản ghi nhớ có hiệu lực. Trong thời gian đó hai bên không đạt được một giải pháp thỏa mãn nào về phân định thêm lục địa thì cơ quan điều hành chung sẽ tiếp tục công việc không thời hạn.

Trù định cho khả năng có mỏ dầu chạy qua ranh giới vùng khai thác chung

Vấn đề phân chia quyền tài phán hình sự: Malayxia có thẩm quyền ở phần phía Nam và Thái Lan có thẩm quyền ở phần phía Bắc.

#### **2.2.1.2. Thỏa thuận Nhật Bản- Hàn Quốc ngày 30/1/1974**

Ngày 30/1/1974 tại Sê-un, Nhật Bản - Hàn Quốc đã ký thỏa thuận khai thác chung vùng phía Nam thêm lục địa liền kề với hai nước, xác định phạm vi vùng khai thác chung rộng 24.092 hải lý vuông và được chia thành 9 tiểu vùng.

Hai bên thống nhất thành lập một Ủy ban hợp tác (Joint Commission) gồm 4 thành viên do Chính phủ hai nước chỉ định. Ủy ban này lập ra một tiểu ban chung gồm các chuyên gia làm nhiệm vụ thảo

luận, nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật, đề xuất ý kiến, giải quyết các vấn đề khó khăn nảy sinh trong quá trình khai thác.

Hiệu lực của thoả thuận là 50 năm (khoản 2 điều 31). Trong thời gian này, các bên cũng có thể chấm dứt thoả thuận trước thời hạn ở những nơi tài nguyên không được khai thác kinh tế.

### *2.2.1.3. Hiệp định Australia- Indonesia*

Ngày 11/12/1989, Hiệp định Timor Gap được Australia và Indonesia chính thức ký kết.

Theo Hiệp định, vùng khai thác chung được hai bên xác định rộng 11.129 hải lý vuông được chia làm 3 khu vực A,B,C. Trong đó Australia có thẩm quyền tài phán đối với khu vực B, Indonesia có thẩm quyền tài phán tại khu vực C, còn khu vực A được đặt dưới sự kiểm soát điều hành của hai quốc gia.

Hội đồng bộ trưởng bao gồm một số lượng ngang bằng các Bộ trưởng do hai quốc gia chỉ định (điều 5 khoản 2).

Bên cạnh Hội đồng Bộ trưởng là cơ quan quyền lực chung.

Hiệp định sẽ có hiệu lực trong vòng 40 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực. Hiệp định có thể mặc nhiên gia hạn trong khoảng 20 năm tiếp theo cho đến khi hai nước đạt được thoả thuận về một đường biên giới vĩnh viễn (điều 33).

Bên cạnh đó, Hiệp định còn quy định khá chi tiết về luật áp dụng, giải quyết tranh chấp, bảo vệ môi trường... trong quá trình các bên tiến hành hoạt động thăm dò khai thác chung.

### **2.2.2. Khai thác chung nơi đường biên giới đã xác định**

#### *2.2.2.1. Thoả thuận Bahrain - Ả-rập Xê út*

Ngày 22/8/1958, Bahrain - Ả-rập Xê út đã ký kết thỏa thuận phân định thêm lục địa. Theo thỏa thuận, đường biên giới giữa hai nước được vạch ra trùng khít với ranh giới của mỏ dầu. Đường biên giới này đặt mỏ dầu nằm hoàn toàn về phía Ả-rập Xê út và hai bên cùng nhau thiết lập một khu vực khai thác chung.

Vùng khai thác chung là một vùng đa giác được hai bên xác định rõ ràng. Khu vực khai thác chung được giao cho Ả-rập Xê út toàn quyền khai thác theo cách mà Ả-rập Xê út lựa chọn. Lãi ròng từ lĩnh vực khai thác sẽ được chia đều cho hai bên (điều 2). Thỏa thuận phân chia lợi nhuận này không làm ảnh hưởng đến chủ quyền của Ả-rập Xê út cũng như quyền quản lý đối với khu vực khai thác chung (điều 2).

#### *2.2.2.2. Hợp nhất hoá mỏ khí Frigg Anh - Na Uy*

Năm 1976, Na Uy và Anh chính thức ký Hiệp định về mỏ khí Frigg. Nội dung Hiệp định được chia làm 3 phần:

Hiệp định Anh - Na Uy đã đề cập khá chi tiết đến các vấn đề liên quan đến cơ chế khai thác chung. Do đặc thù đây là một mỏ khí nằm tại nơi đường biên giới giữa hai nước đã được phân định nên vấn đề đặt ra đối với hai quốc gia trong trường hợp này là chỉ làm cách nào để phối hợp được hai bên, tạo ra một cơ chế khai thác hiệu quả nhất mỏ khí, đáp ứng được nguyện vọng của hai quốc gia này về lợi ích kinh tế, giữ ổn định tình hình và thể hiện tinh thần hợp tác.

### **2.3. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam**

Việc nghiên cứu các mô hình khai thác điển hình trên thế giới và trong khu giúp chúng ta rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu, phát huy ưu điểm của những mô hình trên, khắc phục những thiếu sót để vận dụng vào việc đàm phán, xây dựng từng mô hình khai thác chung dầu

khí giữa Việt Nam và các nước trong khu vực trên cơ sở phù hợp với điều kiện lịch sử, chế độ chính trị, kinh tế... của từng nước trong khi chờ đợi sự phân định cuối cùng mà không làm ảnh hưởng đến quyền chủ quyền của quốc gia và có thể đưa ra được những trù định về một mỏ dầu có thể nằm vắt ngang qua đường biên giới của Việt Nam và quốc gia láng giềng, tránh tình trạng việc khai thác đơn phương của một quốc gia nào đó sẽ làm cạn kiệt mỏ dầu từ phía vùng biển của Việt Nam, làm phương hại đến lợi ích chính đáng của Việt Nam.

### **Chương 3: KHAI THÁC CHUNG DẦU KHÍ GIỮA VIỆT NAM VỚI NƯỚC NGOÀI. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP.**

#### **3.1. Biển Đông và vấn đề chủ quyền của Việt Nam.**

Việt Nam nằm bên bờ Biển Đông, có bờ biển đối diện và liền kề với các nước trong khu vực. Theo Công ước Luật biển 1982, khi các nước thực hiện quyền mở rộng biển của mình dẫn đến tình trạng có những vùng biển chồng lấn. Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức lớn về tranh chấp chủ quyền đối với các vùng biển chồng lấn trong khu vực Biển Đông, thách thức đối với việc bảo vệ chủ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo các chuẩn mực pháp lý quốc tế.

#### **3.2. Phát triển kinh tế biển và tiềm năng về dầu khí của Việt Nam**

Việt Nam nằm trong khu vực có tiềm năng dầu khí không nhỏ. Tổng trữ lượng dự báo địa chất về dầu khí của toàn thềm lục địa Việt Nam đạt xấp xỉ 10 tỷ tấn dầu quy đổi, trữ lượng khai thác khoảng 2 tỷ tấn. Trữ lượng khí dự báo khoảng 1.000 tỷ m<sup>3</sup>. Nhiều bể trầm tích có triển vọng dầu khí đã được xác định trong đó có bể trầm tích Cửu Long và Nam Côn Sơn có trữ lượng lớn nhất, điều kiện khai thác lại thuận lợi,

trữ lượng đánh giá khoảng 3-4 tỷ m<sup>3</sup> dầu quy đổi, trong đó 0,9- 1,2 tỷ m<sup>3</sup> dầu và 2.100-2.800 tỷ m<sup>3</sup> khí, phần lớn tập trung ở vùng nước sâu xa bờ. So với các nước Đông Nam Á. Trữ lượng dầu khí của nước ta đứng thứ 3 ,sau Indônêxia và Malayxia.

### **3.3. Thoả thuận ghi nhớ về khai thác chung dầu khí giữa Việt Nam và Malaixya năm 1992**

#### ***3.3.1. Lịch sử hình thành thoả thuận***

Trong khu vực cửa Vịnh Thái Lan, giữa Việt Nam và Malayxia có một khu vực chồng lấn hẹp rộng khoảng 2.800km<sup>2</sup> nhưng có tiềm năng lớn về dầu khí. Vào đầu năm 1940 trong khu vực chồng lấn giữa hai quốc gia, đã phát hiện ra ba mỏ dầu khí có thể khai thác thương mại.

Từ năm 1986, Malayxia đẩy mạnh phát triển dầu khí trong vùng Vịnh.

Ngày 30/5/1991 Việt Nam đã gửi công hàm ngoại giao cho Bộ Ngoại giao Malayxia khẳng định tình hữu nghị và tinh thần hợp tác giữa hai nước không cho phép bất kỳ ai được đơn phương cấp phép cho bên thứ ba tiến hành các hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí trong khu vực chồng lấn.

Tháng 1 năm 1992, một thoả thuận về tiến hành đàm phán phân định thêm lục địa giữa hai nước đã được thông qua.

Đến ngày 3-5/6/1991, tại Kuala Lumpur, Bản ghi nhớ khai thác chung Việt Nam - Malayxia đã được hai bên ký kết.

#### ***3.3.2. Nội dung thoả thuận khai thác chung dầu khí Việt Nam-Malayxia***

*3.3.2.1 Nội dung thoả thuận khai thác chung ngày 5/6/1992 (MOU)*

Khu vực chồng lấn gọi là “vùng xác định”, có diện tích 2.800km<sup>2</sup>.

Hai bên sẽ tiến hành khai thác dầu khí trên cơ sở các nguyên tắc:

- Chia sẻ đồng đều chi phí và phân chia đồng đều lợi nhuận giữa hai bên;

- Quản lý nguồn tài nguyên: PETROVIETNAM (Tổng công ty dầu khí Việt Nam) và PETRONAS (Công ty dầu khí quốc gia Malayxia) đại diện cho mỗi bên tiến hành thăm dò và khai thác dầu khí trong vùng xác định trên cơ sở một dàn xếp thương mại sau khi được Chính phủ hai bên phê chuẩn;

- Thỏa thuận ghi nhớ không làm phương hại tới lập trường cũng như đòi hỏi của mỗi bên đối với khu vực chồng lấn.

- Vấn đề quản lý nhà nước đối với các hoạt động dầu khí: Việt Nam đã uỷ quyền cho phía Malayxia thực hiện các hoạt động kiểm soát đối với các hoạt động dầu khí trong vùng chồng lấn giữa hai nước.

- Ngoài ra, Thỏa thuận còn đề cập tới vấn đề hợp nhất mỏ tài nguyên có liên quan đến khu vực khai thác chung.

- Vấn đề giải quyết tranh chấp: Hai bên thỏa thuận mọi tranh chấp sẽ được giải quyết bằng biện pháp đàm phán và thương lượng giữa hai bên trên cơ sở quan hệ hữu nghị, phù hợp với luật pháp quốc tế.

#### *3.3.2.2. Nội dung Thỏa thuận thương mại ngày 25/8/1993*

Ngày 25/8/1993, PETRONAS và PETROVIETNAM ký dàn xếp thương mại để triển khai các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí trong vùng xác định, gồm những nội dung chính sau:

- PETRONAS và PETROVIETNAM cùng chịu trách nhiệm, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí trong vùng xác định.

- Quản lý hoạt động khai thác: PETROVIETNAM uỷ quyền cho PETRONAS điều hành trực tiếp việc khai thác dầu khí trong vùng xác định theo PSC hiện hữu dưới sự chỉ đạo của Ủy ban điều phối, đảm nhận mọi hoạt động tài chính tiến hành đóng thuế theo thoả thuận giữa hai Chính phủ, phân đôi lợi tức cho PETROVIETNAM.

- Việt Nam sẽ cùng Malayxia thực hiện kiểm toán đối với hoạt động của các nhà thầu để hoạch định công tác, tài chính của nhà thầu và tham gia dự họp Ủy ban điều hành.

- Về cơ chế điều hành: thành lập một Ủy ban liên hợp (Joint Committee) ở cấp cao giải quyết các vấn đề ở cấp cao và thành lập một Ủy ban điều phối (Coordination Committee) soạn lập các chỉ dẫn về mặt chính sách quản lý các hoạt động dầu khí trong vùng xác định

- Hiệu lực của Thoả thuận: Thoả thuận thương mại có hiệu lực kể từ ngày được Chính phủ hai quốc gia phê chuẩn và hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

+ Khi thoả thuận ghi nhớ (MOU) hết hiệu lực;

+ Thoả thuận chấm dứt với sự đồng ý của hai bên (PETRONAS và PETROVIETNAM) hoặc của hai Chính phủ;

+ Hợp đồng phân chia sản phẩm trong khu vực chấm dứt.

- Về cơ chế giải quyết tranh chấp: giải quyết tranh chấp theo hai cấp. Cấp 1-Ủy ban hỗn hợp. Cấp 2- Chính phủ Việt Nam- Malayxia.

- Ngoài ra, Thoả thuận thương mại giữa PETROVIETNAM và PETRONAS còn đề cập đến mối liên hệ với Thoả thuận ghi nhớ Việt Nam - Malayxia.

**3.3.3. Thực trạng thực thi thoả thuận khai thác chung Việt Nam - Malayxia**

Sau bốn năm triển khai các hoạt động thăm dò, khai thác, đến năm 1997, những thùng dầu đầu tiên đã được khai thác lên trong “vùng xác định” từ mỏ Bunga Kekwa đã được xuất khẩu và lợi nhuận bắt đầu được chia đều cho hai bên theo đúng thoả thuận. Sản lượng khai thác trung bình một ngày đạt từ 40.000 đến 50.000 thùng dầu. Ngoài dầu thô, tại khu vực chồng lấn giữa Malayxia và Việt Nam, lô PM-3- CAA đã được hai bên lên kế hoạch khai thác khí bắt đầu từ năm 2003 với sản lượng ước tính khoảng 2.5 tỷ m<sup>3</sup>/ năm, khai thác ít nhất trong khoảng thời gian là 15 – 17 năm. Lượng khí khai thác được sẽ chia đều cho hai bên Việt Nam – Malayxia. Trong khi Việt Nam chưa có hệ thống dẫn khí vào bờ, phía Malayxia sẽ nhận toàn bộ khí trong hai năm đầu ( 2003- 2005). Vừa qua Tổng công ty dầu khí Việt Nam đã thành công trong việc triển khai nghiên cứu, khảo sát, tổ chức các hội thảo về nghiên cứu khả thi đề án Khí - Điện - Đạm Cà Mau.

Tháng 7 năm 2008, Công ty dầu khí Talisman Malayxia đã khai thác khí đầu tiên ở khu mỏ phía Bắc Malayxia với sản lượng 75 triệu feet khối khí một ngày, công ty đã phát triển đường ống dẫn khí tới cả Malayxia và Việt Nam. Sản lượng dầu tính trung bình đạt 31.000 thùng/ngày trong năm 2008.

Hiện nay, Công ty dầu khí Talisman bắt đầu khai thác mỏ dầu khu vực phía Bắc ngoài khơi Malayxia. Đây là chương trình phát triển mỏ dầu PM-3 thuộc vùng chồng lấn thương mại giữa Việt Nam và Malayxia. Dự kiến sản lượng dầu qui đổi đạt từ 40.000 đến 50.000 thùng/ngày vào đầu năm 2010. Tại khu mỏ dầu PM-3 thuộc vùng chồng lấn thương mại Việt Nam- Malayxia, theo hợp đồng phân chia sản phẩm (PSC) công ty Talisman Malayxia nắm giữ 41,44%, tập đoàn Petronas Carigali nắm giữ 46,06% và PetroViệtNam nắm 12,5%.

Hiện nay, các giếng dầu trong vùng khai thác chung này đang tiếp tục hoạt động có hiệu quả.

## **Chương 4: TRIỂN VỌNG KHAI THÁC CHUNG GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC**

### **4.1. Triển vọng khai thác chung ở khu vực Biển Đông**

#### ***4.1.1. Khai thác chung ở khu vực Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc***

Theo đánh giá của ESCAP (1987), tiềm năng dầu khí ở Vịnh Bắc Bộ là rất lớn. Vịnh Bắc Bộ có bốn khu vực tiềm năng dầu khí, trong đó qui mô lớn nhất thuộc về bồn Sông Hồng nằm định hướng Tây Bắc - Đông Nam, hai khu thuộc bồn Lôi Châu và một khu nằm ven đới cấu trúc An Châu ven bờ Việt Nam.

Ở vùng biển Việt Nam - Trung Quốc, khu vực được dự báo là có dầu một phần nằm ở trong Vịnh (vấn đề chủ quyền của hai nước đã được phân định rõ ràng), các bên đang tiến hành thăm dò, hợp tác để khai thác chung tài nguyên ở Thềm lục địa Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc hoàn toàn có khả năng được xác lập trong tương lai sắp đến. Còn ở khu vực ngoài cửa Vịnh (vùng biển chồng lấn chưa được phân định), các bên trên cơ sở căn cứ vào tình thực tế của hai bên và đặc điểm địa lý, chính trị, phù hợp với luật pháp quốc tế trên cơ sở nguyên tắc công bằng để tìm ra một giải pháp mà các bên có thể chấp nhận được đưa ra một phương án cùng hợp tác khai thác tài nguyên biển một cách hiệu quả mà không làm phương hại đến yêu sách của các bên đồng thời tránh được lãng phí không sử dụng được tài nguyên trong khi chờ đợi sự phân định cuối cùng và tránh được các tranh chấp phát sinh do một bên đơn phương khai thác và tạo ra cơ sở pháp lý cho hoạt động

thăm dò, khai thác dầu khí cũng như quá trình quản lý nhà nước của hai quốc gia đối với hoạt động này.

#### ***4.1.2. Triển vọng chung trong Vịnh Thái khai thác Lan***

##### ***- Khai thác chung với Thái Lan***

Trong Hiệp định phân định thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế giữa Việt Nam - Thái Lan ngày 9/8/1997, hai nước cũng đã dự trù về việc khai thác chung nguồn tài nguyên không sinh vật; *‘Trong trường hợp có cấu trúc dầu hoặc khí duy nhất, hoặc mỏ khoáng sản có tính chất bất kỳ nào nằm vắt ngang đường biên giới thì hai quốc gia có trách nhiệm trao đổi thông tin, cùng tìm kiếm thoả thuận sao cho các cấu trúc hoặc mỏ này được khai thác một cách hiệu quả nhất, chi phí cũng như lợi tức từ việc khai thác sẽ được phân chia một cách công bằng’.*

##### ***- Khai thác chung ba bên Việt Nam - Thái Lan - Malaysia***

Trong Hiệp định phân định biển Việt Nam – Thái Lan năm 1997, Việt Nam - Thái Lan cam kết sẽ tiến hành đàm phán với Malaysia để giải quyết vấn đề vùng chồng lấn ba bên bằng con đường đàm phán. Qua nhiều vòng đàm phán, các bên đều nhất trí sẽ áp dụng khai thác chung tại khu vực này, đồng thời xác định rõ khu vực chồng lấn được tạo bởi yêu sách của Việt Nam năm 1971 và ranh giới phía Bắc của vùng phát triển chung Malaysia - Thái Lan. Các bên đã thoả thuận áp dụng nguyên tắc bình đẳng giữa ba bên trong quá trình khai thác chung, theo đó các nguồn tài nguyên không sinh vật trong khu vực sẽ được chia đều cho ba bên. Trên cơ sở những thoả thuận đã đạt được, các bên tiếp tục đàm phán để đi tới thống nhất về phương án, mô hình và các vấn đề kỹ thuật khác như tổ chức và lựa chọn nhà thầu, nhà điều hành.

Như vậy, có thể thấy khu vực khai thác chung ba bên hoàn toàn có thể đạt được trong thời gian không xa, các nước đã tiến hành đàm

phán và đang trong quá trình tìm ra một mô hình hợp tác chung đảm bảo quyền lợi cho các bên và quản lý, khai thác hữu hiệu tài nguyên sinh vật và tài nguyên khoáng sản.

#### *- Triển vọng khai thác chung với Campuchia*

Hiệp định về vùng nước lịch sử của hai nước cũng xác nhận giữa hai nước chưa có đường biên giới biển. Vì vậy, hai bên còn phải tiếp tục đàm phán để xác định ranh giới biển trong và ngoài vùng nước lịch sử. Ngoài ra, hai quốc gia cũng chưa có thỏa thuận phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Năm 1983, hai bên đã ký Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Campuchia, trong đó nêu rõ hai bên sẽ giải quyết các vấn đề trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, vì lợi ích quan hệ hợp tác hữu nghị, phù hợp với luật pháp và thực tiễn quốc tế. Trên cơ sở đó, năm 1991, trong một tuyên bố chung giữa hai Chính phủ, Việt Nam- Campuchia đã thỏa thuận một đường “dàn xếp tạm thời”, nhưng tuyên bố *không tiến hành bất kỳ hoạt động phát triển dầu khí nào ở ngoài đường trung tuyến giữa đảo Thổ Chu và đảo Poulo Wai cho đến khi có một giải pháp cuối cùng*

#### **4.1.3. Khai thác chung ở quần đảo Trường Sa**

Quần đảo Trường Sa là nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú, đặc biệt là dầu khí. Khu vực đáy biển Trường Sa là nơi chứa đựng một trữ lượng dầu khí khổng lồ và các mỏ khoáng sản (có tài liệu nêu trữ lượng dầu mỏ ở khu vực phía Nam Biển Đông là từ 23,5 đến 30 tỷ tấn, khí thiên nhiên khoảng 8.300 tỷ m<sup>3</sup>, quặng hiếm 250.000 tấn).

Vấn đề tranh chấp về chủ quyền trên quần đảo Trường Sa được xếp vào loại phức tạp bậc nhất trên thế giới. Trong vùng biển tranh chấp, các nước tiến hành khai thác tài nguyên một cách đơn phương khiến tình hình chính trị khu vực trở nên bất ổn và căng thẳng.

Trong bối cảnh tranh chấp Trường Sa hết sức nóng bỏng và phức tạp, vào tháng 8-1990, Trung Quốc đưa ra vấn đề khai thác chung trên biển Trường Sa với quan điểm “gác tranh chấp, cùng khai thác”. Phía Việt Nam cũng đưa ra đề xuất mới về “hợp tác cùng phát triển” nhằm tăng cường sự hợp tác, giữ gìn hòa bình và ổn định trên Biển Đông.

Ngày 14/3/2005, tại Manila - Philippin, Tổng công ty dầu khí quốc gia của ba nước Việt Nam - Trung Quốc - Philippin đã ký thỏa thuận về khảo sát địa chấn chung trong một khu vực rộng 142.886km<sup>2</sup> ngoài khơi Biển Đông với thời hạn 3 năm kể từ ngày có hiệu lực 10/6/2005. Hiện nay, thỏa thuận này đang được triển khai.

Nhìn chung trên thực tế vấn đề tranh chấp quần đảo Trường Sa vẫn còn rất phức tạp, việc các nước cùng nhau thoả thuận đưa ra mô hình khai thác chung là cần thiết bởi đây cũng là một giải pháp giúp các bên thu hẹp bất đồng, tận dụng khai thác tài nguyên để phát triển kinh tế của đất nước trong khi chờ đợi kết quả phân định biển cuối cùng.

#### **4.2. Chính sách pháp luật biển của nhà nước liên quan đến vấn đề khai thác chung**

Chính sách biển được hiểu là hệ thống các quan điểm, các chủ trương, đường lối cơ bản của một quốc gia ven biển trong việc sử dụng, khai thác, bảo vệ biển (gồm chiến lược bảo vệ an ninh quốc phòng trên biển; các quy hoạch phát triển ngành, địa phương trong từng giai đoạn; các chủ trương xây dựng và phát triển các hoạt động trên biển các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các hoạt động trên biển) phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hoá xã hội, trình độ khoa học công nghệ của quốc gia đó; phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới, các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế về biển.

Vấn đề khai thác chung giữa Việt Nam và các quốc gia láng giềng được đề cập dưới góc độ chính sách phát triển biển trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

### **4.3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật tạo ra khung pháp lý cơ bản cho việc đàm phán, ký kết các thoả thuận khai thác chung của Việt Nam**

#### ***4.3.1. Hoàn thiện chính sách pháp luật biển***

Việt Nam cần phải xây dựng một chính sách biển toàn diện, tổng quát, cụ thể trong đó phải bao gồm những vấn đề cơ bản như: mục tiêu, những nguyên tắc áp dụng trong quản lý... quy hoạch đầy đủ các vùng biển và các hoạt động trên biển cũng như các lực lượng trên biển nhằm tránh sự chồng chéo, lãng phí không đáng có. Trên cơ sở đó Việt Nam phải xây dựng một đạo luật tổng quát về biển để tạo ra một hành lang pháp lý cho hoạt động trên biển cả phát triển bền vững.

Chính sách pháp luật biển cần xác định vấn đề khai thác chung tài nguyên giữa Việt Nam và các quốc gia hữu quan là định hướng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế và hợp tác phát triển.

Chính sách pháp luật biển cần phải xác định vấn đề khai thác chung là một dàn xếp tạm thời không làm phương hại hay cản trở việc tới quá trình phân định biển. Việt Nam cần phải xác định rõ triển vọng khai thác chung đối với từng khu vực và đối tác cụ thể. Từ đó đưa ra những mục tiêu, định hướng ưu tiên để phát triển khai thác tài nguyên hiệu quả.

Trong chính sách pháp luật biển cần cần phải xây dựng và xác định rõ mối quan hệ giữa khai thác chung và các vấn đề như an ninh quốc phòng, ô nhiễm môi trường từ khai thác và vận chuyển dầu khí, sự cố tràn dầu... . Từ đó đưa ra giải pháp cụ thể cho từng quan hệ cụ thể.

#### ***4.3.2. Kiến nghị mô hình khai thác chung dầu khí***

Tác giả tập chung nghiên cứu, xây dựng mô hình khai thác chung hai bên, cụ thể: mô hình Chính phủ hai nước cùng nhau quản lý.

Mô hình khai thác chung sẽ được hình thành trên cơ sở điều ước quốc tế song phương giữa Việt Nam và quốc gia láng giềng. Quyền quản lý ở khu vực khai thác chung sẽ được phân thành hai cấp:

Cấp thứ nhất - cơ quan điều hành chung sẽ đưa ra những chính sách cụ thể cho từng giai đoạn phát triển, có nhiệm vụ tổ chức và kiểm soát các hoạt động tiến hành trong khu vực khai thác chung.

Cấp thứ hai- Ủy ban quản lý có nhiệm vụ quản lý các hoạt động kinh doanh.

Ủy ban quản lý có thể thành lập các tiểu ban như tiểu ban luật pháp, kinh tế, tài chính, thương mại, kỹ thuật khi cần.

Các tiểu ban phải chịu trách nhiệm trước ủy ban quản lý và cơ quan đại diện chung về công việc chuyên môn của mình.

#### **KẾT LUẬN:**

Trong bối cảnh hiện nay, khi trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng còn nhiều vùng biển tranh chấp chưa đạt được kết quả phân định cuối cùng, đặc biệt Việt Nam nằm trong khu vực “biển nóng” chứa đựng nhiều mâu thuẫn bất đồng, nếu giải quyết không khéo có thể dẫn tới xung đột vũ trang đe dọa hòa bình, an ninh khu vực thì việc nghiên cứu các khía cạnh của khai thác chung có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nhận thức được tầm quan trọng của khai thác chung, Đảng và Nhà nước ta đã và đang hướng việc hợp tác với các quốc gia khác để xác lập các vùng khai thác chung tài nguyên biển theo nguyên tắc *“Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ cùng các nước liên quan, thông qua thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, phù*

*hợp với luật pháp và tập quán quốc tế, giải quyết các vấn đề về các vùng biển và thềm lục địa của mỗi bên”.*

Cùng với việc thiết lập cơ chế khai thác chung, Việt Nam cần không ngừng giải quyết thấu đáo các vấn đề liên quan đến khai thác chung như: hoàn thiện hệ thống pháp luật, làm tốt công tác chuẩn bị về số liệu điều tra, nguồn lực về tài chính, kỹ thuật và nguồn nhân lực, tuyên truyền giáo dục pháp luật; chuẩn bị và lựa chọn phương án đàm phán với từng đối tác, từng vùng khai thác chung một cách đúng đắn và nhất quán, phù hợp với điều kiện thực tế ... nhằm bảo vệ được quyền, lợi ích quốc gia và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Qua việc nghiên cứu về lý luận cũng như thực tiễn của hoạt động khai thác chung của các nước trên thế giới và Việt Nam, cũng như nghiên cứu những mô hình khai thác chung điển hình của các nước, trên cơ sở đánh giá những ưu nhược điểm của từng mô hình khai thác và cùng với việc xem xét các đặc trưng của vùng biển Việt Nam, tác giả mạnh dạn xây dựng mô hình khai thác chung để có thể vận dụng vào từng khu vực khai thác cụ thể phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của từng nước nhằm xây dựng một mô hình khai thác đảm bảo thực hiện trên thực tế.

Như vậy, khai thác chung là giải pháp tạm thời mang tính hiện thực được các nước lựa chọn áp dụng để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, vừa đảm bảo quyền và lợi ích của các quốc gia hữu quan vừa tận dụng khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú của biển cả mà không vi phạm pháp luật quốc tế trong khi chờ đợi kết quả phân định cuối cùng.

